

H C ANH NG TRÊN ĐÀI VOA

Đ nghe bài h c, xin [B M VÀO ĐÂY](#)

Đây là chương trình Anh ngữ Sinh động New Dynamic English **bài th 54**. Phạm Văn xin kính chào quý vị thính gi. Trong phần đ u, quý vị nghe câu đ “Question of the Week”; sau đó nghe chuyên gi i đi n thơ i gi ch ăn tr a m t ti m ăn.

Ôn i:

State=ti u bang.

hole=l

Golf=banh “gôn”, trò ch i trên sân c m n (golf course), m i ng i dùng g y riêng (g i là club), đánh vào trái banh (golf ball) cho r i vào 9 hay 18 l ; ai đánh ít nh t mà đ a banh v đ các l và v tr c thì th ng. Ph n l n sân gôn có 18 l .

Golf course=sân ch i banh “gôn”.

Average=trung bình

Average American family=gia đình ng i M trung bình.

CUT 1

Question of the Week.

Larry: Question of the Week. .

Max: This week’s question is How many? .

Max: Now it’s time to answer last week’s question. The question is: How many? Listen carefully.

How many? Kathy, are you ready to play Question of the Week? .

Kathy: Yes, I am. .

Max: OK. Here’s your first question. Question number one: How many states are there in the United States? How many states are there in the United States? .

Kathy: I know that. There are fifty states in the United States. .

Max: That’s right. Fifty states. Now question number 2: How many holes are there in a golf

course? How many holes are there in a golf course? .

Kathy: A golf course? Let's see. I don't play golf. But I think there are ...18. Is it 18? .

Max: Yes, you've got it. There are 18 holes in a golf course. Ready for question 3? .

Kathy: Sure, go ahead. .

Max: Question number 3: How many children are there in an average American family? How many children are there in an average American family? .

Kathy: The average American family? I'd say two or three. Let's say two. .

Max: Two is correct. The average American family has two children. You did very well. .

Kathy: Thank you. .

Max: Thanks for playing our game. .

MUSIC

Vietnamese Explanation

Sau đây chúng ta nghe câu chuyện ngắn của bài Story Interlude:

Kathy looks for a vegetarian restaurant= Kathy muốn tìm tiệm bán đồ ăn chay.

Vegetarian=người ăn chay.

vegetable=rau.

Meat=thịt.

Steak=thịt thái mỏng miếng dày hoặc miếng hay răn, miếng thịt bò= beefsteak; miếng thịt heo cũng có thể lợn/heo hay cá có thể miếng mỏng và dày. Khi ăn dùng dao có răng cưa để thái cho dễ gọi là steak knife. Tiệm ăn chuyên làm thịt bò miếng hay răn gọi là Steak house.

a recommendation=đề nghị, gợi ý. Đề nghị để recommend=suggest. Can you recommend a good restaurant?= bạn có biết tiệm ăn nào ngon cho tôi không?

They serve delicious vegetarian food=tiệm này phục vụ món ăn chay ngon.

We'll give it a try=chúng tôi sẽ thử ăn thử xem.

folks=people=guys=tiếng thân mật nghĩa là "mọi người, các bạn".

Favorite=điều thích nhất.

Chuckle=cười nhếch.

CUT 2

[tiếng ghi âm xấp xỉ, tiếng bìa nút]

Larry: Well, folks, we're off the air.

Max & Kathy: Thanks, Larry.

Kathy: Say, Max, I'm going out to dinner this weekend with my friend Anne.

Kathy: Can you recommend a good restaurant?

Max: Sure. How about Sutter's Steak House? It's my favorite restaurant.

Kathy: It sounds good...but I'm a vegetarian.

Max: Oh, I didn't know you were a vegetarian. I'm a meat eater myself. And my son, well, he eats hamburgers, hamburgers, hamburgers!

[Tiếng mở cửa, tiếng kéo ghế trên sàn]

Kathy: Well, I love all vegetables. And sometimes I'll eat fish.

Eliz: Hi everyone! What's up?

Max: Elizabeth, do you know a nice vegetarian restaurant?

Eliz: (chuckles) For you, Max? Mr. Steak?

Kathy: I'm the vegetarian here. I'm looking for a place for dinner this weekend.

Eliz: Oh, I ate at a great place. It's called "The Garden." They serve delicious vegetarian food. And they serve fish too.

Kathy: Sounds perfect.

Eliz: It's nice. And it's not too expensive.

Kathy: Well, we'll give it a try. Thanks for the recommendation.

Eliz: You're welcome.

Larry: Ready for Functioning in Business.

MUSIC

Vietnamese Explanation

Sau đây là phần Functioning in business, một lớp về những tình huống trung cấp, chú trọng vào các từ vựng và làm việc trong những tình huống. Bài học hôm nay là "Confirming Plans, Part 1, hỏi về cho các nhà hàng tính, phần 1." Phần chương trình này chú trọng vào cách hỏi và dành chỗ trống hay đổi ngày giờ hẹn tại nhà hàng, this program focuses on making and changing restaurant reservations.

Xin nghe trình bày chi tiết trong đoạn tiếp:

a boss=người xấp xỉ, người chỉ, cấp chỉ huy.

to make a reservation=dành tr c. [to reserve a table]

to arrange a meeting=h n tr c ngày gi g p.

Business lunch=b a ăn tr a và bàn công vi c.

Bây gi nghe ông Epstein h n dành ch tr c nhà hàng.

CUT 3

Interview: Epstein. Making reservations for business lunch.

Larry: Phone interview.

Eliz: On today's program I'll be taking with Michael Epstein. Mr. Epstein is in his office, in San Jose, California.

[ti ng đi n tho i reo]

Eliz: Hello, Mr. Epstein.

Epstein: Hello.

Eliz: The last time we talked, we discussed your phone call with Mr. Blake.

Epstein: Yes, that's right. He and I talked on Monday, just after he arrived in San Francisco. And then, on Tuesday, Mr. Blake and I had lunch together. Afterwards, we drove around San Francisco.

Eliz: You told him that you were going to arrange a meeting with your boss, Ms. Shirley Graham.

Epstein: For a lunch meeting on Wednesday, yes. I made a reservation for 12:15 on Wednesday, at a nice little restaurant in San Mateo.

Eliz: San Mateo?

Epstein: Yes, it's just south of the San Francisco Airport.

Eliz: Now, let's listen to your phone call to the restaurant. We'll see how you made the reservation.

MUSIC

Vietnamese Explanation

Trong ph n t i quý v nghe ông Epstein h n dành ch tr c nhà hàng. Đ ý đ n ngày gi h n, và s ng i t i ăn. Ông cũng xin dành m t bàn yên tĩnh đ trong khi ăn còn bàn công chuy n.

I'd like to make a reservation for tomorrow at 12:00=Tôi mu n dành ch tr c vào 12 gi tr a mai.

I do have a table at 12:15=chúng tôi có bàn tr ng lúc 12:15. [do dùng đ nh n m nh]

How would that be?= Nh v y có ti n không?

That would be just fine= Đ c.

Could I have a quiet table, please?=Xin cho chúng tôi ng i ch yên tĩnh đ c không?

We'll be discussing business=chúng tôi s bàn công chuy n.

Xin nghe ông Epstein g i đi n tho i dành ch tr c ở nhà hàng Jackson Grill. [grill=v hay m t lò n ng]

CUT 4

Dialog: Lunch reservation.

Larry: Dialog.

Larry: Let's listen in while Mr. Epstein calls the Jackson Grill to make a reservation for lunch.

Woman: Jackson Grill. Can I help you?

Epstein: Yes, I'd like make a reservation for tomorrow at 12:00.

Woman: For how many people?

Epstein: There will be three of us.

Woman: Let's see. I'm sorry, but I don't have table at 12:00. I do have a table at 12:15. How would that be?

Epstein: That would be just fine. Could we have a quiet table, if possible? We'll be discussing business.

Woman: I'm sure we can arrange that. Could I have your name, please? Epstein: Sure, it's

Epstein. Mike Epstein.

Woman: Could you please spell that?

Epstein: Certainly. It's Epstein...E-P-S-T-E-I-N.

Woman: OK. Mr. Epstein. We'll see you tomorrow, Wednesday, at 12:15.

Epstein: Thank you.

MUSIC

Vietnamese Explanation

Trong phần Variations, quý vị nghe cách nói khác nhau của hai câu. Ví dụ trong câu, "I'd like to make a reservation for tomorrow at 12:00," thì có thể nói, "I'd like to reserve a table for tomorrow at 12:00."

CUT 5

Larry: Variations. Listen to these variations.

Eliz: Yes, I'd like to make a reservation for tomorrow at 12:00.

Larry: I'd like to reserve a table for tomorrow at 12:00.(pause)

Eliz: For how many people?

Larry: How many people will there be?(pause)

Eliz: How would that be?

Larry: Would that be OK?(pause)

Eliz: Could we have a quiet table, if possible?

Larry: Would it be possible for us to have a quiet table?(pause)

Eliz: Could I have your name, please?

Larry: Could you please give me your name?(pause)

Vietnamese Explanation

Trong phần này, cô Elizabeth phỏng vấn ông Epstein xem ông có muốn ăn trưa được không.

To confirm= hỏi để chắc chắn. To check, make sure= hỏi để kiểm tra.

CUT 6

Interview: Epstein, lunch plans.

Eliz: You were able to get a table for 12:15.

Epstein: That's right. They were busy at 12:00. So I needed to check with Ms. Graham to confirm that this time was good for her. And then I needed to confirm the time with Mr. Blake.

Eliz: Well, Mr. Epstein, that's all for today. Thank you very much for being on our show.

Epstein: It's been my pleasure.

Eliz: Let's take a short brake.

MUSIC

Vietnamese Explanation

Quý v v a h c xong bài h c th 54 trong ch ng trình Anh ngữ Sinh Đ ng, New Dynamic English. Ph m Văn xin kính chào quý v thính gi và xin h n g ıp l i trong bài h c k ti p.